

QUYẾT ĐỊNH

V/v hoàn trả tiền BHYT cho các trường hợp
không gia hạn được BHYT năm 2026 (đợt 2- thẻ 12 tháng)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) số 25/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13, các văn bản chỉ đạo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc thực hiện BHYT học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kiến trúc HN; Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 09/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc bổ sung khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kiến trúc HN;

Căn cứ danh sách sinh viên đã có thẻ khác và các trường hợp khác;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Chính trị - Công tác sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả tiền bảo hiểm y tế đã thu 12 tháng năm 2026 cho 106 sinh viên thuộc diện được cấp thẻ BHYT theo quy định của pháp luật (đối tượng được ngân sách nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức khác đóng BHYT- có danh sách kèm theo).

Điều 2. Số tiền phải trả cho 106 sinh viên là: 66,970,800đ

(Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ngàn tám trăm đồng./.)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Chính trị - Công tác sinh viên, Tài chính - Kế toán và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng CTSV (đưa lên Công tin chi);
- Lưu VT, CT-CTSV

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS.KTS: Lê Quân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG GIA HẠN ĐƯỢC THẺ BHYT
12 THÁNG NĂM 2026 (Đợt 2) - CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ CÓ THẺ KHÁC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 363/QĐ/ĐHKT-CTSV ngày 15 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	MÃ sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
1	2152020034	Nguyễn Thu Trang	31/08/2003	05DEEA	631,800		00119-TS1699S-ML
2	2255010005	Nguyễn Hoàng Anh	26/11/2004	2022CN5	631,800		00113-TM1836M-ML
3	2152010019	Võ Trọng Khanh	18/11/2003	2022CQ	631,800		00105-TE08698-ML
4	2251050047	Đoàn Lê Hạnh Nguyên	22/05/2004	2022D1	631,800		00113-TM14232-ML
5	2256020033	Phan Anh Đạt	22/09/2004	2022DA1	631,800		TO0423O
6	2256020068	Đỗ Quang Minh	23/09/2004	2022DA2	631,800		07909-TN6157N-ML
7	2256020052	Nguyễn Thị Thu Hương	05/09/2004	2022DA2	631,800		TO9648O
8	2256020066	Nguyễn Hoàng Long	28/09/2004	2022DA2	631,800		07901-TW4445A-ML
9	2256020006	Lê Xuân Hoàng Anh	18/02/2004	2022DA2	631,800		00109-TI9528I-ML
10	2253040037	Phạm Trần Thùy Linh	27/12/2003	2022DE	631,800		07901-YN0708A-ML
11	2158010049	Nguyễn Hương Giang	12/03/2003	2022DH1	631,800		00102-TB3072B-ML
12	1958010034	Nguyễn Mai Chi	21/10/2001	2022DH2	631,800		00806-0001589-ML
13	2258030007	Vũ Minh Đức	17/12/2004	2022DK	631,800		00109-TI1085I-ML
14	2251010370	Nguyễn Khánh Vân	19/11/2004	2022K+	631,800		00105-TE0282E-ML
15	2251010184	Đỗ Mai Linh	03/02/2004	2022K+	631,800		00104-TD7572D-ML
16	2251010192	Đào Hoàng Long	28/02/2004	2022K2	631,800		02709-TC0682C-ML
17	2251010225	Hoàng Thị Lê Na	02/09/2004	2022K3	631,800		04000-AA0005Z-HS
18	2151010182	Đào Thanh Lam	10/06/2003	2022K4	631,800		TOA036O
19	2251010102	Hoàng Minh Hằng	21/09/2004	2022K5	631,800		00114-TN7442N-ML
20	2251015005	Nguyễn Thị Thảo Anh	30/10/2004	2022KTT	631,800		00127-T301173-ML
21	2253010016	Nguyễn Minh Ánh	29/10/2004	2022KX2	631,800		07901-TA4053A-ML
22	2153010141	Nguyễn Đức Lương	09/01/2003	2022KX2	631,800		00105-TE3270E-ML
23	2056010023	Lê Minh Quang	27/08/1999	2022ME	631,800		00105-TE5911E-ML
24	2258020057	Lê Thị Linh Chi	17/12/2004	2022NT1	631,800		00104-TD8798D-ML
25	1958020285	Đặng Thị Thu Trang	29/07/2001	2022NT3	631,800		01010-TZ0548Z-ML
26	2258020046	Trương Thanh Bình	19/01/2004	2022NT4	631,800		02605-WK0001E-HS
27	2258020251	Tổng Thị Trúc Anh	14/01/2004	2022NT6	631,800		07901-TA2995A-ML
28	2251020069	Bùi Hoàng Nam	05/01/2004	2022Q1	631,800		00109-TI1085I-ML
29	2251020042	Trần Hải Hùng	13/05/2004	2022Q2	631,800		00100-TZ0437Z-ML
30	1951020045	Vũ Trung Hiếu	03/03/2001	2022Q2	631,800		00104-TD6038D-ML
31	2251080085	Nguyễn Văn Sang	20/07/2004	2022QL1	631,800		00100-BO0001Z-ML
32	2256030053	Trần Bảo Trân	29/11/2004	2022RM	631,800		00106-TF04104-ML
33	2256030027	Nguyễn Bích Loan	31/03/2004	2022RM	631,800		00100-BO0001Z-ML
34	2256030030	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	08/02/2004	2022RM	631,800		07911-YN0099N-ML
35	2253030003	Nguyễn Quỳnh Anh	19/08/2004	2022TL	631,800		010101-QZ00144-ML
36	2253030014	Lê Minh Hiếu	30/04/2004	2022TL	631,800		00127-T308163-ML

Anh

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
37	2253030046	Phạm Thị Thương	13/04/2004	2022TL	631,800		00104-TD2018D-ML
38	2258040034	Đặng Doãn Hoài Linh	29/07/2004	2022TT2	631,800		07901-TA4947A-ML
39	2256040007	Nguyễn Duy Bách	20/12/2004	2022UD	631,800		TO04952
40	2251090021	Nguyễn Thu Hiền	11/08/2004	2022VL	631,800		00102-TB6698B-ML
41	2251030026	Trần Quốc Anh	01/06/2004	2022X+	631,800		03504-TA0175A-ML
42	2251030220	Mai Lê Vũ	20/01/2004	2022X1	631,800		00124-TY0751Y-ML
43	2355020085	Vũ Anh Thư	14/01/2005	2023CDP1	631,800		00131-T7A9630-ML
44	2355020016	Hoàng Khánh Du	30/01/2005	2023CDP2	631,800		02006-AK0040F-HS
45	2155010041	Nguyễn Tiến Cường	10/12/2003	2023CN1	631,800		00101-TA30530-ML
46	2355010117	Nguyễn Gia Khánh	18/08/2005	2023CN1	631,800		07900-TG3728G-ML
47	2355010172	Phạm Ngọc Sơn	10/07/2005	2023CN4	631,800		CO01990
48	2351050044	Trần Văn Long	19/08/2005	2023D2	631,800		00102-TB4374B-ML
49	2356020025	Bùi Khánh Linh	13/06/2005	2023DA1	631,800		00109-TI4587I-ML
50	2353040027	Phạm Ngọc Linh	19/11/2004	2023DE	631,800		00102-TB4374B-ML
51	2353040042	Phạm Quốc Phòng	17/09/2005	2023DE	631,800		07923-TT0828T-ML
52	2353040052	Ninh Lê Tiến Thành	02/01/2003	2023DE	631,800		07909-TZC362L-ML
53	2358030015	Nguyễn Xuân Mai	12/12/2005	2023DK	631,800		03821-AQ0001U-HS
54	2353020022	Đinh Thanh Lâm	12/02/2005	2023IE	631,800		03706-TF0457F-ML
55	2353020039	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	17/09/2005	2023IE	631,800		00102-TB4374B-ML
56	2351010404	Phạm Nguyễn Thanh Đức	06/06/2005	2023K1	631,800		07909-TL2928L-ML
57	2351010280	Lý Ngọc Phúc	20/02/2001	2023K1	631,800		TO08970
58	2351010187	Phí Bá Nguyên Khoa	07/10/2005	2023K5	631,800		00122-TV1255V-ML
59	2152010036	Bùi Văn Quang	17/10/2003	2023KTCQ	631,800		03007-TZ1047Z-ML
60	2351015029	Nguyễn Hoàng Long	18/09/2005	2023KTT	631,800		02602-TB0408B-ML
61	2351015045	Hà Hữu Quân	24/05/2005	2023KTT	631,800		00121-TU0867U-ML
62	2351060011	Nông Đức Mạnh	29/08/2005	2023M	631,800		07909-TN6157N-ML
63	2351060017	Nguyễn Đức Sơn	18/11/2005	2023M	631,800		07901-TA5695A-ML
64	2356010024	Doãn Đức Mạnh	22/01/2005	2023ME	631,800		00120-TT1263T-ML
65	2351040021	Nguyễn Tiến Mạnh	26/12/2005	2023N	631,800		CO01700
66	2358020270	Nguyễn Thu Thủy	23/02/2004	2023NT1	631,800		TO00590
67	2358020216	Nguyễn Minh Thương	25/10/2005	2023NT1	631,800		TO00590
68	2358020113	Nguyễn Thị Trang Linh	12/12/2005	2023NT3	631,800		00109-TI22255-ML
69	2358020239	Trần Thị Phương Uyên	11/06/2004	2023NT4	631,800		02709-TC1716C-ML
70	2351080098	Phan Thị Hiếu Tâm	23/09/2005	2023QL2	631,800		07909-TL2928L-ML
71	2356030010	Nguyễn Hiền Chi	06/12/2005	2023RM	631,800		00106-TF04427-ML
72	2351090033	Phạm Thế Nguyên	25/06/2005	2023VL	631,800		07900-YN1955Z-ML
73	2351030006	Vũ Thành An	14/10/2005	2023X2	631,800		00109-TIB861I-ML
74	2151070004	Đoàn Tùng Dương	03/07/2003	2023XN	631,800		00105-TE2870E-ML
75	2455020093	Vũ Anh Thư	26/03/2006	2024CDP1	631,800		07901-YN7319A-ML
76	2455020058	Nguyễn Nhật Minh	22/04/2006	2024CDP2	631,800		00113-TM6407M-ML
77	2455010021	Trần Việt Anh	27/08/2006	2024CN1	631,800		00102-TB4374B-ML

ANL

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
78	2451050051	Đặng Phương Nhi	01/06/2006	2024D1	631,800		00127-T307463-ML
79	2451050005	Nguyễn Bá Cường	30/04/2006	2024D1	631,800		00119-TS0050S-ML
80	2456020029	Bùi Minh Châu	13/04/2006	2024DA2	631,800		00104-TD9954D-ML
81	2456020162	Nguyễn Thanh Tiền	19/11/2006	2024DA3	631,800		00105-TE3270E-ML
82	2353040025	Vũ Đình Khánh	07/03/2005	2024DE	631,800		00107-TG8083G-ML
83	2458010079	Đỗ Phương Linh	28/08/2006	2024DH3	631,800		00102-TB4374B-ML
84	2458010132	Bùi Thị Hồng Nhung	07/11/2006	2024DH4	631,800		01908-WS0001H-ML
85	2454010008	Trương Quảng Hà	09/05/2006	2024GT	631,800		00100-YN06936-ML
86	2453020025	Tạ Thúy Nga	03/08/2006	2024IE	631,800		00101-YN0194A-ML
87	2451010314	Vũ Thường Nguyên Phúc	14/12/2006	2024K1	631,800		03006-KQ0021E-ML
88	2451010080	Nguyễn Trung Duy	15/11/2006	2024K6	631,800		00105-TE1990E-ML
89	2252010024	Bùi Minh Hùng	14/01/2004	2024KTCQ	631,800		00106-TF3206F-ML
90	2452010026	Trần Đình Hoan	07/08/2006	2024KTCQ	631,800		03504-YN0106Z-ML
91	2051015067	Nguyễn Vĩnh Bảo Thư	06/08/2001	2024KTT1	631,800		00105-TE08660-ML
92	2453010025	Nguyễn Thùy Dung	12/09/2006	2024KX1	631,800		00105-TE3270E-ML
93	2451060024	Trần Tuấn Linh	28/01/2005	2024M	631,800		00107-TG3585G-ML
94	2158020411	Nguyễn Thọ Tuấn	07/07/2003	2024NT4	631,800		07901-TA8330A-ML
95	2451080027	Dương Thị Mai Duyên	26/11/2006	2024QL3	631,800		00105-TE3270E-ML
96	2156030084	Nguyễn Đình Thăng	29/01/2003	2024RM	631,800		07901-YN1441A-ML
97	2453030024	Trương Thị Khánh Ly	01/11/2006	2024TL	631,800		TO03050
98	2458040015	Trương Hoàng Hà	12/02/2006	2024TT1	631,800		TO71390
99	2251030064	Dương Minh Đức	15/11/2004	2024X2	631,800		TO00590
100	2451030127	Trần Công Minh	14/04/2006	2024X2	631,800		00102-TB4374B-ML
101	2451030063	Nguyễn Văn Hoà	16/10/2006	2024X2	631,800		03308-TI0185I-ML
102	2451030211	Hoàng Nghĩa Vũ	02/10/2006	2024X3	631,800		00104-TD6379D-ML
103	2351070044	Ngô Triệu Thành Trung	18/01/2005	2024XN	631,800		00104-TD6658D-ML
104	2552030016	Lương Vũ Ngọc Khuê	04/10/2005	2025KTNT	631,800		Đã tham gia
105	2558060021	Nguyễn Hồng Thắm	26/12/2007	2025MDT	631,800		Đã tham gia
106	2551070051	Nguyễn Hoàng Trường	25/07/2007	2025XN	631,800		Đã tham gia
		Cộng			66,970,800		
Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ngàn tám trăm đồng./.							

Phòng CT-CTSV

Người lập

Duy
Vũ Quỳnh Nga

Anh
Đỗ Thị Mai Anh